TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 10/2022/HS-ST.
Ngày 16 – 8 – 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh K Lít.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tấn Công.
2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nhị, Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 02/8/2022 đối với các bị cáo:

1/ Trần Minh T, sinh ngày 26/5/1995 tại thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Tổ 3, phường Lê Hồng Ph, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức D và bà Trần Thị Tố Tr.

Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 15/7/2022 đến nay. Có mặt.

2/ Đặng Văn H (tên gọi khác: L), sinh ngày 02/6/1995 tại thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Nghĩa D, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng H (chết) và bà Võ Thị Mỹ Ch.

Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 27/7/2022, có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: Bà Đinh Thị L, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ NLQ1, sinh 1994.

Nơi cư trú: Tổ 24, phường Ng, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2/ NLQ2, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Tổ 12, phường Tr, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch: Bà Đinh Thị Huệ - Cán bộ hưu trí thị trấn D. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ sáng ngày 22/3/2022, Trần Minh T sử dụng điện thoại di động Nokia, màu đen, số sim 0924680130 gọi điện thoại rủ Đặng Văn H đi trộm cắp xe máy lấy tiền tiêu xài thì H đồng ý.

Đến khoảng 13 giờ 22 phút cùng ngày, T đi xe ôm đến phòng trọ của H thuê (tại số nhà 936/11 Quang Tr, phường Ch, thành phố Q). Tại đây, H sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 22K5-4749 (xe do H thuê của NLQ2) chở Trần Minh T theo tuyến đường quốc lộ 24B đến thị trấn D, huyện S. Khi đến đoạn đường thuộc tổ dân phố C, thị trấn D thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 76M1-039.97 của bà Đinh Thị L để ở bên lề đường, T bảo H dừng xe lại, T nhảy xuống xe quan sát thấy không có người trông coi, T sử dụng Vam tự chế (hình chữ T do T chuẩn bị sẵn) bẻ gãy ổ khóa điện xe mô tô của bà L rồi khởi động cho xe nổ máy, T điều khiển xe vừa trộm cắp được, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22K-4749 cùng nhau chạy về thành phố Q. Khi về đến phòng trọ của H, T mở cốp xe mô tô của bà L lấy được 4.000.000 đồng, 01 Thẻ bảo hiểm y tế mang tên Đinh Thị Kim S cùng 01 chiếc ví da màu đỏ của bà L. Sau đó, T đưa xe mô tô vừa trộm cắp được cho H quản lý rồi đi xe ôm về nhà của T tại tổ 3, phường Lê Hồng Ph, thành phố Quảng Ngãi.

Đến sáng ngày 24/3/2022, T gọi điện thoại nói H đi bán xe mô tô đã trộm cắp được để lấy tiền tiêu xài thì H đồng ý và H đã nhờ ông Phạm Thanh H tìm chỗ để cầm cố xe với giá 2.600.000 đồng, khi ông H đang đi trên đường tìm nơi tiêu thụ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S phát hiện, tạm giữ tang vật, đồng thời bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp về hành vi trộm cắp tài sản đối với Trần Minh T và Đặng Văn H.

Tại Bản kết luận số: 09/KL-HĐĐGTS ngày 29/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển số 76M1-039.97, số khung: 745652, số máy: 5254398 có giá trị 8.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS-SH ngày 27/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo Trần Minh T và Đặng Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 18 tháng đến 24 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn H từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không đề nghị xử phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Đối với NLQ2 đã có hành vi giao xe mô tô biển số 22K5-4749 cho bị cáo Đặng Văn H sử dụng làm phương tiện cùng bị cáo Trần Minh T đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, NLQ2 không biết việc bị cáo H và bị cáo T đã sử dụng xe mô tô này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S không xem xét trách nhiệm hình sự đối với NLQ2 là có căn cứ.

Đối với ông Phạm Thanh H đã có hành vi mang xe mô tô biển số 76M1-039.97 do bị cáo bị cáo Trần Minh T và Đặng Văn H trộm cắp mà có để đi cầm cố lấy tiền cho H. Tuy nhiên, ông H không biết xe mô tô này là do bị cáo T và bị cáo H trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông H là có căn cứ.

- Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu nhận, như sau:

+ Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 76M1-039.97, 01 Thẻ bảo hiểm y tế mang tên Đinh Thị Kim S và 4.000.000 đồng cho bà Đinh Thị L nhận là có căn cứ.

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 22K5-4749 của NLQ2 mà bị cáo Đặng Văn H và bị cáo Trần Minh T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp, nhưng NLQ2 không biết việc bị cáo H sử dụng xe mô tô này chở Trần Minh T làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại cho NLQ2 nhận là có căn cứ.

+ Đối với ví da màu đen, có chữ Lovely Fashion do bị cáo Trần Minh T mua để sử dụng cho bản thân, không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại cho bị cáo T nhận là có căn cứ.

+ Đối với số tiền 160.000 đồng tạm giữ của bị cáo Đặng Văn H, đây là số tiền do bị cáo lao động mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại cho bị cáo H nhận là có căn cứ.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu đen, có dòng chữ H. B. N. W. N. R. E; 01 quần Jeans màu xanh, trắng; 01 sim điện thoại di động số 0924680130; 01 áo khoác màu vàng, dài tay có chữ "Fashion"; 01 quần dài màu đen; 01 nón bảo hiểm màu đen, có chữ "Nón sơn", đây là những đồ vật mà bị cáo H và T đã sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng.

+ Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Redmi, màu đen, số IMEL 1: 867192030564196; số IMEL 2: 867192030564204, số sim 0763571552 của bị cáo Đặng Văn H, đây là phương tiện bị cáo sử dụng để liên lạc với bị cáo Trần Minh T đi trộm cắp tài sản.

- Về phần dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Đặng Văn H và bị cáo Trần Minh T đã tự nguyện sửa chữa ổ khóa xe mô tô bị hỏng cho bà Đinh Thị L với số tiền 460.000 đồng. Riêng bị cáo Trần Minh T còn tự nguyện bồi thường cho bà Đinh Thị L số tiền 660.000 đồng.

Bà Đinh Thị L đã nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 76M1-039.97 và số tiền 4.000.000 đồng, bà không yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Các bị cáo không ý kiến tranh luận gì.

Bị hại nhất trí với ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa án xét xử đúng pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngay sau khi có nguồn tin về tội phạm của công dân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền điều tra, thời hạn điều tra để điều tra, hỏi cung bị can, lấy lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan..., thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa cũng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Vì muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 10 giờ sáng ngày 22/3/2022, bị cáo Trần Minh T sử dụng điện thoại rủ bị cáo Đặng Văn H đi trộm cắp tài sản, bị cáo H đồng ý và điều khiển xe mô tô chở bị cáo T đi lên huyện S để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đến khoảng 14 giờ 10 phút ngày 22/3/2022, lợi dụng lúc bà Đinh Thị L để xe mô tô bên lề đường quốc lộ 24B thuộc tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S để đi làm ruộng, bị cáo Trần Minh T và bị cáo Đặng Văn H lén lút trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 76M1-039.97 của bà L với giá trị 8.000.000 đồng và 4.000.000 đồng tiền mặt để trong cốp xe mô tô. Tổng giá trị tài sản là 12.000.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo Trần Minh T và Đặng Văn H đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Với những hành vi phạm tội của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Nay, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo Trần Minh T và Đặng Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Những lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Trần Minh T và Đặng Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm.

[5] Hội đồng xét xử thấy vụ án có đồng phạm nhưng đồng phạm giản đơn.

[6] Xét tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với bị cáo Trần Minh T, bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Đặng Văn H đi trộm cắp tài sản và cũng là người thực hiện tội phạm tích cực, bị cáo đã chuẩn bị Vam tự chế chữ T để thực hiện hành vi phạm tội. Khi phát hiện xe mô tô của bà Đinh Thị L để bên lề đường không có người trông coi, bị cáo đã dùng Vam này bẻ gãy ổ khóa điện xe mô tô của bà L, khởi động cho xe nổ máy rồi cùng bị cáo H tẩu thoát.

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã khắc phục hậu quả. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhưng, ngày 04/3/2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 07 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản". Ngày 02/6/2014 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo không lấy đó làm bài học để trở thành công dân có ích cho xã hội thì ngày 22/3/2022 bị cáo tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản. Điều đó chứng tỏ hình phạt trên chưa đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ

nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù một thời gian mới đủ tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Đặng Văn, bị cáo không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội của bị cáo, không cần thiết phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và cũng đủ tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Đối với NLQ2 đã có hành vi giao xe mô tô biển số 22K5-4749 cho bị cáo Đặng Văn H sử dụng làm phương tiện cùng bị cáo Trần Minh T đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, NLQ2 không biết việc bị cáo H và bị cáo T đã sử dụng xe mô tô này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S không xem xét trách nhiệm hình sự đối với NLQ2 là có căn cứ.

[9] Đối với ông Phạm Thanh H đã có hành vi mang xe mô tô biển số 76M1-039.97 do bị cáo bị Trần Minh T và bị cáo Đặng Văn H trộm cắp mà có để đi cầm cố lấy tiền cho bị cáo H. Tuy nhiên, ông H không biết xe mô tô này là do bị cáo T và bị cáo H trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông H là có căn cứ.

[10] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại như sau:

+ Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 76M1-039.97, 01 Thẻ bảo hiểm y tế mang tên Đinh Thị Kim S và 4.000.000 đồng cho bà Đinh Thị L nhận là có căn cứ.

+ Trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 22K5-4749 của NLQ2 nhận là có căn cứ.

+ Trả lại ví da màu đen, có chữ Lovely Fashion cho bị cáo Trần Minh T nhận là có căn cứ.

+ Trả lại số tiền 160.000 đồng cho bị cáo Đặng Văn H nhận là có căn cứ.

+ Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Redmi, màu đen, số IMEL 1: 867192030564196; số IMEL 2: 867192030564204, số sim 0763571552 của bị cáo Đặng Văn H là phù hợp.

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu đen, có dòng chữ H. B. N. W. N. R. E; 01 quần Jeans màu xanh, trắng; 01 sim điện thoại di động số 0924680130; 01 áo khoác màu vàng, dài tay có chữ "Fashion"; 01 quần dài màu đen; 01 nón bảo hiểm màu đen, có chữ " Nón sơn" là có căn cứ.

[11] Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Các bị cáo Trần Minh T và Đặng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội " Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo Trần Minh T 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2022, trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 24 tháng 3 năm 2022 đến ngày 02 tháng 4 năm 2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58; Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo Đặng Văn H 15 *(Mười lăm)* tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đặng Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Nghĩa D, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo Đặng Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng:

+ Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Redmi, màu đen, số IMEL 1: 867192030564196; số IMEL 2: 867192030564204, số sim 0763571552 của bị cáo Đặng Văn H *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/7/2022 giữa Công an huyện S với Chi cục Thi hành án dân sự huyện S)*.

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu đen, có dòng chữ H. B. N. W. N. R. E; 01 quần Jeans màu xanh, trắng; 01 sim điện thoại di động số 0924680130; 01 áo khoác màu vàng, dài tay có chữ "Fashion"; 01 quần dài màu đen; 01 nón bảo hiểm màu đen, có chữ "Nón sơn" *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/7/2022 giữa Công an huyện S với Chi cục Thi hành án dân sự huyện S)*.

Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Minh T và Đặng Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày

Nơi nhận:
- Công an h.S;Nhà tạm giữ.
- VKSND h. S;
- VKSND t. Quảng Ngãi;
- THADS h. S;
- TAND t. Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp t. Quảng Ngãi;
- TANDCC tại Đà Nẵng
- :Bị cáo; bị hại,NCQLNVLQ;
- UBND xã Ng D, tp Q.
- Lưu hồ sơ vụ án+ Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh K Lít